

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100709 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030818	36CXD4	Nguy n V ầ ầ Anh	23/03/1994				5.0			5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
2	3671030781	36CXD4	Nguy n V ầ ầ C u	11/06/1994				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
3	3671030784	36CXD4	Lê Bá C ầ ng	01/07/1994				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
4	3671030823	36CXD4	Tr n Ho ầ ầ Tr ầ	01/12/1994				7.5			7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
5	3671030804	36CXD4	L ầ ng Ng c Ch ầ	15/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671030761	36CXD4	Hu ầ nh Thanh Ch ầ	10/01/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
7	3671030788	36CXD4	Nguy n C ầ ầ ng Duy	08/05/1993				5.5			5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	N HP
8	3671030502	36CXD4	Nguy n Qu c Duy	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
9	3671030899	36CXD4	Lê Anh D ầ ầ	09/09/1994				5.3			5.3	1.6	0.0	0.0	1.6	
10	3671030852	36CXD4	Nguy n Tr n ầ i	01/11/1993				8.5			8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
11	3671030847	36CXD4	Ho ầ ng Minh ầ c	20/02/1993				10.0			10.0	3.0	3.5	2.5	5.5	
12	3671030902	36CXD4	Nguy n Anh ầ c	14/10/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
13	3671030766	36CXD4	Hu ầ nh Tam Giang	27/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
14	3671030786	36CXD4	Lê Xu ầ n Hi u	09/02/1992				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
15	3671030861	36CXD4	Nguy n Ng c Hi u	12/10/1993				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
16	3671032008	36CXD4	Nguy n Thanh Kh i Ho ầ ng	26/02/1994				8.5			8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
17	3671030896	36CXD4	Vô Minh Ho ầ ng	02/09/1994				10.0			10.0	3.0	2.0	1.4	4.4	
18	3671030798	36CXD4	Nguy n Th ầ i Hòa	17/02/1991				5.0			5.0	1.5	0.5	0.4	1.9	
19	3671030866	36CXD4	H ầ o ầ Qu c Huy	26/04/1994				7.3			7.3	2.2	2.0	1.4	3.6	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067100709 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030762	36CXD4	Tr n V ấ H ng	11/08/1993				5.0			5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	
21	3671030895	36CXD4	Nguy n Quang Km Kĩ t	13/06/1994				10.0			10.0	3.0	8.5	6.0	9.0	
22	3671030846	36CXD4	Nguy n Vi t L c	24/09/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
23	3671030756	36CXD4	V ấ V ấ M n	06/10/1994				5.0			5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
24	3671031603	36CXD4	Tr ng Cao Minh	11/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
25	3671030882	36CXD4	Ph m Tr n Th ấ Nh Nam	30/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	3671030887	36CXD4	Nguy n V ấ Ngoan	17/04/1994				5.0			5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
27	3671030752	36CXD4	Phan Phong Nh ấ	05/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3671030840	36CXD4	L 2 Tr ng Nh ấ n	14/05/1994				8.8			8.8	2.6	0.0	0.0	2.6	
29	3671030735	36CXD4	Nguy n V ấ Ph ấ t	10/08/1994				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
30	3671031870	36CXD4	Nguy n Thanh Phong	07/01/1994				8.8			8.8	2.6	0.0	0.0	2.6	
31	3671030862	36CXD4	Nguy n Ho ấ Ph ấ	29/01/1994				9.0			9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
32	3671031952	36CXD4	Lê Duy Ph ng	12/09/1994				10.0			10.0	3.0	2.0	1.4	4.4	
33	3671030879	36CXD4	Nguy n V ấ Ph ng	20/01/1993				4.5			4.5	1.4	2.0	1.4	2.8	
34	3671030729	36CXD4	Nguy n Minh Quang	23/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
35	3671030758	36CXD4	Th Quang Rim	15/10/1993				5.3			5.3	1.6	4.5	3.2	4.7	
36	3671030807	36CXD4	Bùi Thanh Sang	14/03/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
37	3671030789	36CXD4	Nguy n Ng c Tài	19/07/1994				6.0			6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
38	3671030727	36CXD4	Hu ấ V ấ Tâm	17/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100709 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030875	36CXD4	L ấ H ấ Tâm	24/02/1994				8.5			8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
40	3671030836	36CXD4	ấ ng Th ấ h Tân	21/01/1994				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
41	3671030802	36CXD4	Nguy n V ấ h Tiên	08/05/1993				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
42	3671030799	36CXD4	Nguy n Ph m M ấ nh T ấ n	23/04/1994				9.5			9.5	2.9	4.0	2.8	5.7	
43	3671030868	36CXD4	L ấ Ch ấ nh T ấ n	26/03/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
44	3671032050	36CXD4	Nguy n ấ c T ấ nh	29/07/1994				9.8			9.8	2.9	5.0	3.5	6.4	
45	3671030893	36CXD4	Ng ấ B ấ To ấ n	28/05/1991				10.0			10.0	3.0	4.0	2.8	5.8	
46	3671030774	36CXD4	Nguy n ấ c To ấ n	07/08/1992				4.5			4.5	1.4	1.0	0.7	2.1	
47	3671030821	36CXD4	C ấ D ấ ng T ấ n	12/08/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
48	3671030876	36CXD4	Th p V ấ h T ấ y n	20/03/1992				4.5			4.5	1.4	0.0	0.0	1.4	N HP
49	3671030734	36CXD4	ấ o ấ Thanh T ấ	16/01/1993				5.5			5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
50	3671030772	36CXD4	Tr n V ấ h Thao	06/12/1993				8.5			8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
51	3671030777	36CXD4	Nguy n Ch ấ ng Th ấ ng	18/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
52	3671030870	36CXD4	Tr n V ấ h Th ấ nh	25/01/1994				2.5			2.5	0.8	4.5	3.2	3.9	
53	3671030792	36CXD4	Tr n Th Th ấ ng	19/03/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
54	3671030873	36CXD4	Ng ấ V ấ h Trung	07/11/1994				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
55	3671030730	36CXD4	Nguy n Th V ấ h	04/03/1994				9.0			9.0	2.7	6.3	4.4	7.1	

T ñg s : 55 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa